

Số: 24 /2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thi hành Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thi hành Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước, bao gồm kinh phí sự nghiệp và kinh phí đầu tư phát triển, trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quy định tại khoản 3 Điều 10; khoản 1 và khoản 3 Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 12; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 17; khoản 3 và khoản 4 Điều 63 của Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là bộ và cơ quan Trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
2. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp công lập, tổ chức công nhận công lập.
3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan thực hiện các hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí phải gắn với hoạt động, nhiệm vụ chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước, thúc đẩy hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội.
2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung chi và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Trường hợp hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo hình thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết

và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định có liên quan tại Thông tư này.

4. Kinh phí ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết; bảo đảm không trùng lặp nội dung chi cho cùng một hoạt động, nhiệm vụ.

5. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí phải bảo đảm công khai, minh bạch, có kiểm tra, giám sát; gắn với trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật. Trường hợp hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước, việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định tại Thông tư này.

6. Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý, sử dụng kinh phí phù hợp với thẩm quyền và phân cấp ngân sách nhà nước; đồng thời bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng kinh phí.

7. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển phải tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư công và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

8. Khuyến khích huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác cho các hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

9. Các khoản kinh phí tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân phục vụ cho hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo thỏa thuận với nhà tài trợ, hỗ trợ. Trường hợp không có thỏa thuận cụ thể với nhà tài trợ, hỗ trợ thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bao gồm:

a) Nguồn đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài;

b) Nguồn vốn từ chương trình, dự án hợp tác quốc tế, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

c) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động và sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác phải bảo

đảm không làm thay đổi mục tiêu, nội dung, tính chất của hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CHI KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO HOẠT ĐỘNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 5. Nội dung chi phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia

1. Nội dung chi xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp nền tảng số, hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, bao gồm:

a) Chi xây dựng, nâng cấp, duy trì, thuê hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác nền tảng số, hệ thống giám sát chất lượng;

b) Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực công chức, viên chức và người lao động được phân công thực hiện quản lý, vận hành nền tảng số, hệ thống giám sát chất lượng;

c) Chi điều tra, khảo sát, thu thập, tiếp nhận, chia sẻ thông tin, dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

d) Chi xử lý, cập nhật, số hóa, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu trên nền tảng số;

đ) Chi quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

e) Chi bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin cho nền tảng số;

g) Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp nền tảng số để quản lý hạ tầng chất lượng quốc gia.

2. Nội dung chi xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quy định tại khoản 3 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Nội dung chi cho xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật.

3. Nội dung chi hỗ trợ nâng cao năng lực cho tổ chức đánh giá sự phù hợp công lập quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, bao gồm:

a) Chi tham gia đào tạo trong nước theo chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, đào tạo chuyên gia theo chương trình đánh giá sự phù hợp mới; chi tổ chức đào tạo nội bộ của tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu của chương trình đánh giá sự phù hợp mới;

b) Chi đào tạo ở nước ngoài cho chuyên gia lĩnh vực đánh giá sự phù hợp đạt trình độ quốc tế, đào tạo chuyên gia theo chương trình đánh giá sự phù hợp mới, bao gồm cả: chi dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài; chi phí cho công tác tổ chức lớp học; chi phí ăn, tiêu vật, ở, đi lại, lệ phí sân bay, chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh, chi mua bảo hiểm y tế;

c) Chi đầu tư, nâng cấp năng lực kỹ thuật phục vụ hoạt động đánh giá sự phù hợp theo tiêu chuẩn quốc tế để phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao khuyến khích phát triển, dự án trọng điểm quốc gia, bao gồm cả: mua sắm, nghiên cứu, chế tạo, nâng cấp trang thiết bị, phần mềm; cải tạo, nâng cấp phòng thử nghiệm, khu vực làm việc.

4. Chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức công nhận công lập quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, bao gồm:

a) Chi tham gia đào tạo trong nước theo yêu cầu của chương trình công nhận mới, đào tạo phục vụ chương trình đánh giá đồng đẳng, bao gồm: chi đào tạo chuyên gia đánh giá công nhận; chi tổ chức đào tạo nội bộ và đào tạo chuyên gia kỹ thuật;

b) Chi đào tạo ở nước ngoài cho chuyên gia đánh giá công nhận theo yêu cầu của chương trình công nhận mới, đào tạo phục vụ chương trình đánh giá đồng đẳng, bao gồm cả: chi dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài; chi phí cho công tác tổ chức lớp học; chi phí ăn, tiêu vật, ở, đi lại, lệ phí sân bay, chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh, chi mua bảo hiểm y tế.

5. Các nội dung chi trực tiếp cần thiết khác để thực hiện hoạt động phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia quy định tại Điều này, bao gồm cả: chi thuê ngoài, công tác phí, hội nghị, hội thảo, văn phòng phẩm.

Điều 6. Nội dung chi lấy mẫu, đánh giá sự phù hợp phục vụ khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Nội dung chi lấy mẫu, đánh giá sự phù hợp phục vụ khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, bao gồm:

1. Chi mua mẫu phục vụ khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
2. Chi mua dụng cụ lấy mẫu, đựng mẫu, niêm phong mẫu phục vụ khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Chi tiền công lấy mẫu; chi vận chuyển mẫu, bảo quản mẫu phục vụ khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Chi đầu tư phương tiện chuyên dùng, trang thiết bị thử nghiệm, phòng thử nghiệm di động chuyên dùng phục vụ lấy mẫu.

5. Chi phí đánh giá sự phù hợp phục vụ khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bao gồm cả: chi thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài, chi phí thử nghiệm, giám định, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Chi tiền công lao động xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp phục vụ khảo sát, bao gồm cả: tiền công kiểm tra, so sánh, đối chiếu thông tin về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, nhãn hàng hóa, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc (nếu có).

7. Chi lập báo cáo kết quả khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Báo cáo kết quả khảo sát cần phải có thông tin cảnh báo rủi ro, kiến nghị về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được khảo sát.

8. Chi hội nghị tham vấn, hội thảo chuyên đề, công tác phí để lấy mẫu, đánh giá sự phù hợp phục vụ khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

9. Các nội dung chi trực tiếp cần thiết khác để lấy mẫu, đánh giá sự phù hợp phục vụ khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 7. Nội dung chi lấy mẫu, đánh giá sự phù hợp phục vụ kiểm tra chất lượng, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Nội dung chi lấy mẫu, đánh giá sự phù hợp phục vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, bao gồm: các nội dung theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 9 Điều 6 Thông tư này.

2. Nội dung chi lấy mẫu, đánh giá sự phù hợp phục vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, bao gồm: các nội dung theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 8, 9 Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Nội dung chi thực hiện hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia

Nội dung chi thực hiện hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, bao gồm:

1. Chi tiếp nhận, xem xét, phân loại hồ sơ tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia của tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa đăng ký tham dự.

2. Chi tổ chức đánh giá hồ sơ tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm cả: thuê chuyên gia kỹ thuật và chuyên gia hệ thống.

3. Chi hoạt động của Hội đồng quốc gia về Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm cả: chi họp Hội đồng, công tác phí.

4. Chi tổ chức đánh giá tại chỗ (đánh giá thực tế) tại tổ chức, doanh

nghiệp đối với hồ sơ tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm cả: công tác phí; chi thù lao cho đại diện Hội đồng quốc gia, chuyên gia đánh giá thực tế, thành viên tham gia đánh giá là đại diện cơ quan thường trực, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; chi lập báo cáo đánh giá thực tế.

5. Chi tổ chức hội thảo tham vấn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu cần) để cho ý kiến về tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được đề xuất tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia.

6. Chi tiền công tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề nghị tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia.

7. Chi tổ chức lễ trao Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm:

a) Chi tổ chức họp báo công bố kết quả xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia;

b) Chi tổ chức lễ trao Giải thưởng chất lượng quốc gia;

c) Chi mua sắm hiện vật khen thưởng: cúp Giải thưởng chất lượng quốc gia, biểu trưng Giải thưởng chất lượng quốc gia, giấy chứng nhận sản phẩm, hàng hóa đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia;

d) Các nội dung chi trực tiếp cần thiết khác phục vụ tổ chức lễ trao Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm cả: văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, công tác phí.

8. Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến về Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm cả: tuyên truyền, phổ biến, đưa tin về hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia, về tổ chức, doanh nghiệp đạt giải trên các nền tảng số và các cơ quan thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương.

9. Chi hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm:

a) Chi tổ chức hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho tổ chức, doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm cả: thù lao giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; biên soạn tài liệu; công tác phí cho ban tổ chức, giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; giải khát giữa giờ; thuê địa điểm, thiết bị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; văn phòng phẩm, tài liệu, in ấn, thông tin liên lạc;

b) Chi tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho thành viên Hội đồng quốc gia và chuyên gia đánh giá, bao gồm cả: thù lao giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; biên soạn tài liệu; công tác phí; giải khát giữa giờ; thuê địa điểm, thiết bị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; văn phòng phẩm, tài liệu, in ấn, thông tin liên lạc.

10. Chi xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về Giải thưởng chất lượng quốc gia.

11. Các nội dung chi trực tiếp cần thiết khác để triển khai hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia.

Chương III

QUY ĐỊNH MỨC CHI KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ CHO HOẠT ĐỘNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 9. Định mức chi thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Chi đối với các nội dung công việc có tính chất phổ biến cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa được áp dụng theo các định mức chi có nội dung tương tự quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, như sau:

a) Chi công tác phí trong nước, chi tổ chức hội nghị, hội thảo: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

b) Chi công tác phí nước ngoài: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

c) Chi dịch thuật, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước và quốc tế: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

d) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC;

đ) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa: áp dụng theo mức lương quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở xác định giá gói thầu;

e) Chi bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 121/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng;

g) Chi tạo lập thông tin điện tử: áp dụng quy định tại Thông tư số

194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định pháp luật có liên quan;

h) Chi xây dựng giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo, tập huấn: áp dụng định mức chi được quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;

i) Chi tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

k) Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, bao gồm cả hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; các quy định pháp luật hiện hành về định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động xuất bản, hoạt động báo in, báo điện tử.

Trường hợp nội dung chi chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cấp có thẩm quyền ban hành, chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ khác phục vụ các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến thực hiện theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa.

2. Chi thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả và hiệu quả của việc thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở hồ sơ, tài liệu chứng minh và kết quả thương thảo về yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia.

3. Chi ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ quản lý, vận hành, khai thác nền tảng số, hệ thống giám sát chất lượng, cơ sở dữ liệu về Giải thưởng chất lượng quốc gia và các khoản chi trực tiếp cần thiết khác: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Chi văn phòng phẩm, in ấn, thông tin liên lạc được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán, giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

Điều 10. Định mức chi các nội dung chuyên môn phục vụ hoạt động khảo sát chất lượng, kiểm tra chất lượng và giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Ngoài định mức chi được quy định tại Điều 9 Thông tư này để thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này, một số định mức chi thực hiện nội dung công việc chuyên môn về khảo sát chất lượng, kiểm tra chất lượng và giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quy định như sau:

1. Chi mua mẫu, dụng cụ lấy mẫu, đựng mẫu, niêm phong mẫu: xác định theo giá niêm yết, báo giá hoặc giá bán của tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, hàng hóa.

2. Chi tiền công thuê ngoài để lấy mẫu: 500.000 đồng/ngày công.

Đối với công chức, viên chức, người lao động được chi trả tiền lương từ ngân sách nhà nước mà được cử đi lấy mẫu thì được hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê ngoài lấy mẫu; đối với viên chức, người lao động không được chi trả tiền lương từ ngân sách nhà nước mà được cử đi lấy mẫu thì được hỗ trợ bằng 100% mức tiền công thuê ngoài lấy mẫu.

Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc, yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính tiền công; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và kết quả cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

3. Chi thuê dịch vụ vận chuyển mẫu, bảo quản mẫu: xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ.

4. Chi phí thuê ngoài để thực hiện đánh giá sự phù hợp, bao gồm cả: chi phí thử nghiệm, giám định, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của tổ chức cung cấp dịch vụ.

5. Chi công lao động xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp:

a) Chi tiền công kiểm tra, so sánh, đối chiếu thông tin về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, nhãn hàng hóa, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc (nếu có) trong phạm vi hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa: 500.000 đồng/ngày công;

b) Chi tiền công lập báo cáo kết quả khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa: 1.500.000 đồng/ngày công; tối đa 15.000.000 đồng/báo cáo.

Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm của các công việc quy định tại khoản này, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 11. Định mức chi các nội dung chuyên môn trong hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia

Ngoài định mức chi được quy định tại Điều 9 Thông tư này để thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến tại Điều 8 Thông tư này, một số định mức chi thực hiện nội dung công việc chuyên môn của hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia được quy định như sau:

1. Thủ lao tiếp nhận, xem xét, phân loại hồ sơ tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia của tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa đăng ký tham dự: 200.000 đồng/hồ sơ tham dự.

2. Định mức chi thù lao nhóm chuyên gia đánh giá hồ sơ tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm chuyên gia kỹ thuật và chuyên gia hệ thống: 1.500.000 đồng/người/hồ sơ tham dự.

3. Định mức chi họp Hội đồng quốc gia về Giải thưởng chất lượng quốc gia:

- a) Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng/buổi;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 1.500.000 đồng/người/buổi;
- c) Thành viên, thư ký Hội đồng: 1.000.000 đồng/người/buổi;
- d) Đại biểu tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.

4. Định mức chi thù lao đánh giá thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp đối với thành viên tham gia đánh giá là đại diện Hội đồng quốc gia về Giải thưởng chất lượng quốc gia, chuyên gia kỹ thuật và chuyên gia hệ thống, bao gồm cả chi lập báo cáo đánh giá thực tế:

- a) Đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc siêu nhỏ, tổ chức có quy mô tương ứng: 1.500.000 đồng/người/ngày công; tối đa 1.500.000 đồng/người/doanh nghiệp;
- b) Đối với doanh nghiệp vừa, tổ chức có quy mô tương ứng: 1.500.000 đồng/người/ngày công; tối đa 2.300.000 đồng/người/doanh nghiệp;
- c) Đối với tổ chức, doanh nghiệp không thuộc điểm a, điểm b khoản này: 1.500.000 đồng/người/ngày công; tối đa 3.000.000 đồng/người/doanh nghiệp.

5. Định mức chi thù lao đánh giá thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp đối với thành viên tham gia đánh giá là đại diện cơ quan thường trực, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, như sau:

- a) Đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc siêu nhỏ, tổ chức có quy mô tương ứng: 1.000.000 đồng/người/ngày công; tối đa 1.000.000 đồng/người/doanh nghiệp;
- b) Đối với doanh nghiệp vừa, tổ chức có quy mô tương ứng: 1.000.000 đồng/người/ngày công; tối đa 1.500.000 đồng/người/doanh nghiệp;
- c) Đối với tổ chức, doanh nghiệp không thuộc điểm a, điểm b khoản này: 1.000.000 đồng/người/ngày công; tối đa 2.000.000 đồng/người/doanh nghiệp.

Tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số

80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đối với tổ chức không phải là doanh nghiệp, việc xác định tổ chức có quy mô tương ứng được căn cứ vào số lượng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm do tổ chức quản lý, sử dụng và trả lương, trả công theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; cách xác định số lượng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

6. Định mức chi hội thảo tham vấn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) để cho ý kiến đối với tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được đề xuất xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia:

- a) Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi;
- b) Thư ký: 600.000 đồng/buổi;
- c) Đại biểu tham dự: 500.000 đồng/người/buổi.

7. Định mức chi tiền công tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề nghị tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia: 1.000.000 đồng/ngày công; tối đa 5.000.000 đồng/hồ sơ tổng hợp đề nghị tặng Giải thưởng. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

8. Mức chi cho các nội dung: thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ họp báo; thuê địa điểm tổ chức lễ trao giải; thiết kế, thi công, trang trí, khánh tiết, âm thanh, ánh sáng; phát thanh, truyền hình trực tiếp và các điều kiện kỹ thuật phục vụ buổi lễ; mua sắm hiện vật khen thưởng (cúp, biểu trưng, giấy chứng nhận): được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa.

Chương IV

NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 12. Hỗ trợ tài chính đối với tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP

Đối với tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia, việc hỗ trợ tài chính được thực hiện thông qua các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về năng suất, chất lượng, được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 13. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP

1. Hỗ trợ tối đa 80% chi phí theo giá trị hợp đồng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng được quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 78/2025/QH15, ưu tiên doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, công nghệ cao.

2. Dự toán chi phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp.

3. Một số định mức chi làm căn cứ lập dự toán xác định chi phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng như sau:

a) Tiền công tư vấn, hướng dẫn, đánh giá, chứng nhận: áp dụng mức lương của chuyên gia tư vấn được quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

Đơn vị chủ trì hỗ trợ căn cứ yêu cầu về tính chất công việc, khối lượng và dự kiến kết quả cần đạt, xác định số ngày công tư vấn, hướng dẫn để lập dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

b) Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, hóa chất thực hiện thử nghiệm, giám định, chứng nhận: xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành; trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp. Đơn vị chủ trì hỗ trợ căn cứ yêu cầu về tính chất, khối lượng công việc và yêu cầu phải đạt của kết quả để lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

c) Trường hợp đơn vị chủ trì hỗ trợ sử dụng trang thiết bị có sẵn để thực hiện hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa, mức hao phí đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị dùng để thử nghiệm, giám định, chứng nhận làm căn cứ lập dự toán được xác định theo mức khấu hao tài sản được quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Khoản kinh phí này được quyết toán và trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nếu đơn vị chủ trì hỗ trợ là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc được trích vào Quỹ đầu tư phát triển nếu đơn vị chủ trì hỗ trợ là tổ chức ngoài công lập.

d) Các chi phí trực tiếp cần thiết khác phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm cả: công tác phí, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài, hội nghị, hội thảo được thực hiện theo tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành có liên quan.

4. Việc hỗ trợ chi phí tư vấn, thử nghiệm và chứng nhận được xác định là hình thức tài trợ không hoàn lại.

Điều 14. Hỗ trợ cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP

1. Hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định tại khoản 5 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 78/2025/QH15 với mức tối đa 30% giá trị hợp đồng thử nghiệm và chứng nhận.

2. Tiêu chí xác định và phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

3. Dự toán hỗ trợ chi phí thử nghiệm thực hiện theo khoản 1 Điều 34 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

4. Dự toán hỗ trợ chi phí chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp.

Một số định mức chi làm căn cứ lập dự toán xác định chi phí chứng nhận hỗ trợ doanh nghiệp như sau:

a) Tiền công đánh giá, chứng nhận: áp dụng mức lương của chuyên gia tư vấn được quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

Đơn vị chủ trì hỗ trợ căn cứ yêu cầu về tính chất công việc, khối lượng và dự kiến kết quả cần đạt, xác định số ngày công đánh giá, chứng nhận để lập dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

b) Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, hóa chất thực hiện thử nghiệm, giám định, chứng nhận: xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành; trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp. Đơn vị chủ trì hỗ trợ căn cứ yêu cầu về tính chất, khối lượng công việc và yêu cầu phải đạt của kết quả để lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

c) Trường hợp đơn vị chủ trì hỗ trợ sử dụng trang thiết bị có sẵn để thực hiện hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa, mức hao phí đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị dùng để thử nghiệm, giám định, chứng nhận làm căn cứ lập dự toán được xác định theo mức khấu hao tài sản được quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC. Khoản kinh phí này được quyết toán và trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nếu đơn vị chủ trì hỗ trợ là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc được trích vào Quỹ đầu tư phát triển nếu đơn vị chủ trì hỗ trợ là tổ chức ngoài công lập.

d) Các chi phí trực tiếp cần thiết khác phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực, bao gồm cả: công tác phí, thuê chuyên gia

trong nước và nước ngoài, hội nghị, hội thảo được thực hiện theo tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành có liên quan.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ LẬP DỰ TOÁN, CHẤP HÀNH DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO HOẠT ĐỘNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 15. Lập dự toán chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Việc lập dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung về lập dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

1. Hằng năm, các đơn vị được giao chủ trì thực hiện hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa lập dự toán kinh phí trình cơ quan chủ quản trên cơ sở: hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền; yêu cầu quản lý nhà nước và nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các chương trình, đề án, kế hoạch và văn bản có liên quan về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này.

2. Căn cứ kế hoạch triển khai các hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý và đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa do các đơn vị trực thuộc lập theo quy định của Thông tư này, các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tổng hợp vào dự toán chung để gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 16. Phân bổ, giao dự toán và chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Việc phân bổ, giao dự toán và chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung về phân bổ, giao dự toán và chấp hành dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

1. Phân bổ và giao dự toán:

Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, các bộ và cơ quan Trung ương, địa phương phân bổ và giao dự toán kinh phí cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn; đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để kiểm soát và thực hiện.

2. Chấp hành dự toán:

a) Căn cứ dự toán chi ngân sách được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, các đơn vị sử dụng ngân sách lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán hoặc tạm ứng theo quy định;

b) Đối với các khoản chi thực hiện quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ: căn cứ vào dự toán được giao, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết, tiến độ triển khai, sản phẩm và mức độ đạt được các chỉ tiêu kết quả đã được cơ quan giao nhiệm vụ phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thanh toán hoặc tạm ứng theo chế độ quy định;

Đối với các khoản chi thực hiện quản lý theo phương thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

c) Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 17. Quyết toán chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Việc quyết toán chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung về quyết toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

1. Báo cáo quyết toán:

Các đơn vị được giao dự toán kinh phí lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải thực hiện công tác khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và trách nhiệm xét duyệt, tổng hợp báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Kinh phí cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quyết toán phù hợp với nguồn kinh phí sử dụng và phù hợp với mục chi tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành và tổng hợp trong báo cáo quyết toán hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Xét duyệt và tổng hợp báo cáo quyết toán:

Việc xét duyệt và tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân chủ trì hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Đơn vị chủ trì hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải thực hiện đúng các quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn thực hiện và quy định cụ thể tại Thông tư này.

2. Cá nhân chủ trì phải chịu trách nhiệm về các nội dung và kết quả hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm báo cáo kết quả và thuyết minh số liệu quyết toán kinh phí thực hiện với đơn vị chủ trì.

3. Cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm quản lý, theo dõi và thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện, chịu trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật hiện hành, tổng hợp vào báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị và gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ và cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

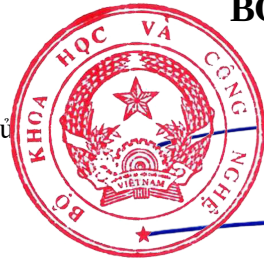
Đối với dự toán chi hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện theo dự toán đã được duyệt.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp các quy định, văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định nội dung tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Công Pháp luật quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TĐC (10).



BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân